

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2025

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Cường

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Phương Hạnh

2. Ông Nguyễn Văn Thuận

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Viết Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng B, sinh ngày 01/01/1942; Căn cước công dân số: 049042000060 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ G, khu phố T, phường H, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tổ G, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh ngày: 01/01/1965; Căn cước công dân số: 049165015871 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn C, xã D, thành phố Đà Nẵng); Tạm trú tại: Tổ G, khu phố T, phường H, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tổ G, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng B trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng B và bà Nguyễn Thị S là người cùng quê, qua mai mối nên quen biết, tìm hiểu, tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức đám

cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (nay là UBND xã D, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 07/7/2018. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống tại huyện D, sau đó chuyển về phường H sống tại nhà của ông B. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khi chuyển về Hắc Dịch sinh sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, bất đồng về chuyện quan hệ tình cảm vợ chồng. Đầu năm 2025, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông B không còn tình cảm gì với bà S nên yêu cầu được ly hôn với bà S.

+ Về con chung: Ông B xác nhận vợ chồng không có con chung.

+ Về tài sản chung: Ông B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông B xác nhận vợ chồng không nợ ai.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2025 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/8/2025 của bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giống như ông B trình bày, hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2024 bà S bị té gãy chân nhưng ông B không chăm sóc, không đưa tiền để điều trị. Đến gần tết năm 2025, ông B yêu cầu quan hệ vợ chồng nhưng bà S từ chối nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, bà S đã dọn ra khỏi nhà ông B và thuê nhà trọ bán bánh cuốn tại phường H (nay là phường T). Mặc dù bà S vẫn còn tình cảm với ông B nhưng ông B đã yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Bà S xác nhận vợ chồng không có con chung.

+ Về tài sản chung: Bà S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà S xác nhận vợ chồng không nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã đến mức trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng B.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị S hiện đang tạm trú và sinh sống tại phường T - Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B yêu cầu ly hôn nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị S đã được triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà S.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa ông Đặng B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào Bản trích lục kết hôn số: 03/2024/TLK-BS ngày 05/01/2024 của UBND xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam có đủ cơ sở xác định: ông Đặng B và bà Nguyễn Thị S tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (nay là UBND xã D, thành phố Đà Nẵng), đăng ký kết hôn số: 50/2018 ngày 07/7/2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời khai của các đương sự thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2024 thì phát mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đỉnh điểm là đầu năm 2025 vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung với nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông B yêu cầu ly hôn, bà S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông Đặng B được ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

[2.2] Về con chung: Ông B, bà S xác nhận vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Ông B, bà S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông B, bà S xác nhận vợ chồng không nợ ai nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Đặng B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Đặng B, sinh ngày 01/01/1942, đã trên 60 tuổi, thuộc người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

+ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S về việc: “Ly hôn”:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng B được ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

+ Về con chung: Ông Đặng B, bà Nguyễn Thị S xác nhận không có con chung.

+ Về tài sản chung: Ông Đặng B, bà Nguyễn Thị S xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông Đặng B, bà Nguyễn Thị S xác nhận vợ chồng không nợ ai nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Đặng B được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/8/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 12 - TP. Hồ Chí Minh;
- P. THADS KV 12- TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Duy Xuyên, TP. Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cường